TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 870/2026/HS-PT
Ngày: 23-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Huỳnh Tú.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Báu;
2. Ông Nguyễn Văn Trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thuý – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Viễn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 661/2026/TLPT-HS ngày 05/8/2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5239/2026/QĐXXPT-HS ngày 14/8/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14161/2026/HSPT-QĐ ngày 10/9/2026.

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 523/2026/HS-ST ngày 30/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo có kháng cáo

Nguyễn Đức T, sinh ngày 02/10/1994 tại tỉnh Gia Lai; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú: Khu phố D, xã P, tỉnh Gia Lai; nơi ở hiện nay: Số B B, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; con ông Nguyễn Đức C, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1966; có 03 anh chị em, bị cáo là con thứ 3 trong gia đình; có vợ là bà Huỳnh Thị Hồng T1, sinh năm 1999; có 01 con sinh năm 2025; tiền án, tiền sự: Không có. Bị cáo đang tại ngoại, có mặt tại phiên tòa (bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh từ ngày 05/8/2026 đến nay).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 13/8/2025, do không có tiền tiêu xài, Nguyễn Đức T nảy sinh ý định tìm người thanh toán thẻ tín dụng sau đó chiếm đoạt tiền được chuyển vào tài khoản. Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 14/8/2025, thông qua ứng dụng mạng xã hội Facebook, T vào trang "Nhóm thẻ tín dụng và ví trả sau M" thì thấy tài khoản của chị Trần Yến V là "Yến Vy" để lại số điện thoại 0918348628 và thông báo có cung cấp dịch vụ thanh toán thẻ tín dụng nên T kết bạn và nhắn tin qua mạng xã hội Zalo cho chị V hỏi về việc thanh toán ví trả sau M, chị V đồng ý và nói chi phí là 4,5%/giao dịch. Khoảng 14 giờ 00 phút cùng ngày, tại quán C1 số E đường N, phường A, Thành phố Hồ Chí Minh, T nói chị V chuyển 17.000.000 đồng vào vào ví điện tử Momo của T trong vòng 15 phút đến đến 02 tiếng sau T sẽ chuyển trả lại toàn bộ số tiền trên cùng với 4,5% trên số tiền 17.000.000 đồng. Chị V đồng ý và sử dụng số tài khoản 19036532160011 ngân hàng thương mại cổ phần K (T3) của chị V chuyển tiền vào tài khoản ví điện tử Momo của T. Để chị V tin tưởng là T có công việc và có khả năng trả tiền cho chị V, T giả dẫn chị V đến địa chỉ 5 đường N, phường A là nơi T được thuê thi công sàn gỗ. Để bỏ trốn, T giả vờ nói chị V chở T qua nhà hàng Bên Sông tại số H đường B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh rồi nói chị V đứng bên ngoài chờ để T mượn tiền bạn trả cho chị V. Sau đó, T đi vào bên trong nhà hàng rồi đi ra bằng cửa sau bỏ trốn. Do nghi ngờ, chị V đi vào bên trong nhà hàng thì phát hiện T đã bỏ trốn, T không trả lời điện thoại và cắt liên lạc với chị V nên ngày 11/9/2025, chị V đến Công an phường A, Thành phố Hồ Chí Minh để trình báo. Qua truy xét, ngày 12/09/2025, Cơ quan điều tra đã mời T về trụ sở làm việc.

Vật chứng thu giữ: 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen trắng của T.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Đức T2 (là anh ruột của bị can T) đã bồi thường 17.000.000 đồng cho chị V; chị V không có yêu cầu gì khác về dân sự.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, bị cáo Nguyễn Đức T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tại bản cáo trạng số 419/CT-VKS-KV7 ngày 23/02/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại khoản 1, Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

Bản án hình sự sơ thẩm số 523/2026/HS-ST ngày 30/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh, tuyên xử như sau:

"Căn cứ khoản 1, Điều 174; điểm b, điểm i, điểm s, khoản 1, Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2025:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

Căn cứ Điều 46; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại di động hiệu Iphone X màu đen - trắng.

(Theo Phiếu nhập kho vật chứng số 362/PNK ngày 26/12/2025 của Công an Thành phố H)."

Ngoài ra bản án còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo của bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

Ngày 03/7/2026, bị cáo Nguyễn Đức T có đơn kháng cáo, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa:

Bị cáo Nguyễn Đức T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện tiếp tục lao động, chăm lo cho vợ và con nhỏ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm về việc kháng cáo như sau: Căn cứ lời khai nhận tội của bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở xác định Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo Nguyễn Đức T về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật. Cấp sơ thẩm đã áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm, bị cáo trình bày hoàn cảnh gia đình, là lao động chính, vợ không có việc làm, có con nhỏ 08 tháng tuổi bị bệnh tim bẩm sinh và cung cấp đơn bãi nại của bị hại. Bị cáo đã khắc phục toàn bộ hậu quả, bị hại đã nhận đủ tiền và không yêu cầu gì thêm. Xét thấy, việc bị cáo khắc phục hậu quả thuộc trường hợp được quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP, tuy nhiên tình tiết này đã được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng cho bị cáo theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Các tình tiết bị cáo trình bày tại cấp phúc thẩm về hoàn cảnh gia đình và đơn bãi nại của bị hại không làm phát sinh tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Xét thấy, cấp sơ thẩm đã đánh

giá đầy đủ tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, quyết định mức hình phạt là phù hợp. Tại cấp phúc thẩm không có tình tiết mới làm căn cứ xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo hưởng án treo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 523/2026/HS-ST ngày 30/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị cáo Nguyễn Đức T trình bày: Bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như bản án sơ thẩm đã tuyên, nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái và rất ăn năn, hối hận. Bị cáo phạm tội lần đầu, có nhân thân tốt, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử luôn thành khẩn khai báo. Số tiền bị cáo chiếm đoạt là 17.000.000 đồng đã được anh ruột bị cáo bồi thường đầy đủ cho bị hại, bị hại không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại cho bị cáo. Bị cáo hiện là lao động chính trong gia đình, vợ không có việc làm, con nhỏ mới 08 tháng tuổi bị bệnh tim bẩm sinh cần được cha mẹ chăm sóc; cha bị cáo hiện bị xuất huyết não, sức khỏe yếu. Nếu phải chấp hành hình phạt tù, hoàn cảnh gia đình bị cáo sẽ gặp nhiều khó khăn, việc chăm sóc con nhỏ và cha bị cáo cũng bị ảnh hưởng. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét các tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình và cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa sai lầm, tiếp tục lao động, chăm lo cho gia đình và nuôi dưỡng con nhỏ.

Lời nói sau cùng của bị cáo Nguyễn Đức T: Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là sai trái, rất ân hận về việc đã làm. Bị cáo kính mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng án treo để có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, tiếp tục lao động, chăm lo cho vợ, con nhỏ và gia đình. Bị cáo cam kết chấp hành nghiêm pháp luật, không tái phạm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và các ý kiến tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T trong thời hạn luật định là hợp lệ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp phúc thẩm.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Thành phố H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử xét thấy có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 14 giờ 00 phút ngày 14/8/2025, Nguyễn Đức T đã đưa ra thông tin gian dối về việc có khả năng thanh toán lại số tiền cho chị Trần Yến V nhằm tạo lòng tin để chị V chuyển số tiền 17.000.000 đồng vào ví điện tử Momo của T. Để chị V tin tưởng, T còn đưa chị V đến nơi mình đang thi công sàn gỗ, tạo cho chị V tin rằng T có công việc và có khả năng thanh toán số tiền đã nhận. Sau khi nhận được tiền, T giả vờ nói chị V chở đến nhà hàng B để mượn tiền trả lại, sau đó lợi dụng lúc chị V đứng bên ngoài chờ, T đi vào nhà hàng và bỏ trốn bằng cửa sau, cắt liên lạc với chị V nhằm chiếm đoạt số tiền đã nhận. Sau khi vụ việc bị phát hiện, T đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và phù hợp quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Đức T thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, chưa có tiền án, tiền sự. Cấp sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, thể hiện thái độ ăn năn, hối cải. Bị cáo trình bày số tiền 17.000.000 đồng đã được anh ruột bồi thường đầy đủ cho bị hại; bị hại đã nhận đủ tiền, không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại cho bị cáo. Việc bị cáo khắc phục toàn bộ hậu quả đã được cấp sơ thẩm xem xét, áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Ngoài ra, tại cấp phúc thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu liên quan đến hoàn cảnh gia đình, thể hiện bị cáo có con trai 08 tháng tuổi bị bệnh tim bẩm sinh, cần sự chăm sóc của cha mẹ; vợ bị cáo không có việc làm, bị cáo là lao động chính trong gia đình. Cha bị cáo bị xuất huyết não, cần được chăm sóc. Đây là những tình tiết chưa được cấp sơ thẩm xem xét, cần được Hội đồng xét xử xem xét khi đánh giá hoàn cảnh gia đình và khả năng tự cải tạo của bị cáo.

Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng; phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền chiếm đoạt là 17.000.000 đồng. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo đã khắc phục toàn bộ số

tiền chiếm đoạt, bị hại đã nhận đủ tiền, không yêu cầu gì thêm và có đơn bãi nại cho bị cáo. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm i, điểm s khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự; đồng thời có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, có con nhỏ 08 tháng tuổi bị bệnh tim bẩm sinh và cha bị xuất huyết não.

Từ những tình tiết trên, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt 09 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là có cơ sở. Tuy nhiên, với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hoàn cảnh gia đình của bị cáo, không cần thiết phải bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo, đồng thời tạo điều kiện để bị cáo tiếp tục lao động, chăm sóc con nhỏ bị bệnh và cha bị xuất huyết não. Do đó, kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T có cơ sở để chấp nhận, cần sửa bản án hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự, giữ nguyên mức hình phạt 09 tháng tù nhưng cho bị cáo được hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật Hình sự.

[4] Về án phí: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Nguyễn Đức T; sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 523/2026/HS-ST ngày 30/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên mức hình phạt tù và cho bị cáo hưởng án treo.

Căn cứ khoản 1 Điều 174; điểm b, điểm i, điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2025.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 09 (chín) tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng cho hưởng án treo, bị cáo phải chịu thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Đức T cho Ủy ban nhân dân phường B, Thành phố Hồ Chí Minh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

2. Căn cứ vào Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Nguyễn Đức T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

(Đã giải thích chế định án treo cho bị cáo Nguyễn Đức T).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND KV7, TP. HCM;
- TAND KV7, TP. HCM;
- Cơ quan CSĐT CATPHCM;
- Phòng PV06 - Công an TP. HCM;
- Sở Tư pháp TP. Hồ Chí Minh;
- UBND phường nơi bị cáo cư trú;
- Cơ quan Thi hành án dân sự;
- Bị cáo;
- Lưu: VP, HS (Thúy/20)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lại Huỳnh Tú